**PHÒNG GD &ĐT HUYỆN HÓC MÔN**

**TRƯỜNG THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO**

**TỔ NGỮ VĂN**

**NỘI DUNG ÔN TẬP NGỮ VĂN 7**

(Từ ngày 16/3/2020🡪5/4/2020)

**I/ Yêu cầu.**

 HS cần nắm vững nội dung các bài đã học.

\* **Tiếng việt:**

- Khái niệm, tác dụng của câu rút gọn

-Khái niệm, tác dụng của câu đặc biệt.

- Hoàn thành các bài tập trong SGK

**\* Văn bản.**

- Học thuộc lòng phần ghi nhớ và tục ngữ các bài:

+Tục ngữ về Thiên nhiên và lao động sản xuất

+ Tục ngữ về con người và xã hội

\* **Tập làm văn**

- Xem lại đặc điểm chung của văn bản Nghị luận.

- Tìm hiểu đề và cách làm bài văn nghị luận.

**II/ Phần ghi bài.**

**HS đọc văn bản, ghi lại các bài sau vào vở bài học trên lớp. (Mọi thắc mắc GV bộ môn sẽ giảng sau khi quay trở lại học)**

**Bài**: ***TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA - Hồ Chí Minh.***

**I. Đọc – hiểu chú thích**

1. Tác giả : Hồ Chí Minh

2. Tác phẩm: (Chú thích/ 25)

**II-** **Đọc – hiểu văn bản**

1.Vấn đề nghị luận (luận đề): Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước

→ Truyền thống quý báu của nhân dân ta.

+ Luận điểm 1 : Lòng yêu nước của nhân dân ta trong quá khứ: “ Lịch sử có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại… ”

- Dẫn chứng: thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,…

→ Tiêu biểu, thuyết phục, được liệt kê theo trình tự thời gian.

+ Luận điểm 2 : Lòng yêu nước của nhân dân ta trong hiện tại (kháng chiến chống Pháp): “ Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.”

\* Ai ai cũng có lòng yêu nước, ghét giặc:

Dẫn chứng:

- cụ già – các cháu nhi đồng

- kiều bào – đồng bào ở vùng tạm chiếm

- nhân dân miền ngược – miền xuôi

 →Trình tự: lứa tuổi – hoàn cảnh – vị trí địa lí.

\* Việc làm thể hiện lòng yêu nước:

- từ chiến sĩ đến công chức: tiêu diệt giặc – ủng hộ

- từ phụ nữ đến bà mẹ chiến sĩ: khuyên, yêu thương – xung phong

- từ công nhân, nông dân đến điền chủ: thi đua tăng gia sản xuất – quyên đất cho Chính phủ.

=> Liệt kê theo trình tự các tầng lớp, giai cấp nhân dân và những việc làm thể hiện lòng yêu nước của họ.

=> Lập luận hùng hồn, thuyết phục, khẳng định lòng yêu nước của nhân dân ta từ xưa đến nay.

2. Nghệ thuật;

- Tinh thần yêu nước – làn sóng mạnh mẽ → lướt qua → nhấn chìm

→ Hình ảnh đặc sắc, từ ngữ chọn lọc, thể hiện sức mạnh của lòng yêu nước với nhiều sắc thái khác nhau.

- Tinh thần yêu nước – thứ của quý …có khi được trưng bày…có khi cất giấu kín đáo

→ Hình ảnh so sánh sinh động.

- Kiểu cấu tạo câu : “ từ…đến…”

→ Nghệ thuật liệt kê, mô hình liên kết chặt chẽ, biểu hiện đa dạng của tinh thần yêu nước trong nhân dân.

**III/ Ghi nhớ** SGK/ 27

**BÀI: BỐ CỤC & PHƯƠNG PHÁP LẬP LUẬN**

 **TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**I. Tìm hiểu bài:**

**1. Mối quan hệ giữa bố cục và lập luận:**

**VD:** Văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”

- Bố cục hợp lí, rõ ràng.

- Lập luận chặt chẽ, phù hợp.

**2.** **Bố cục bài NL**

a. Mở bài : Nêu vấn đề có ý nghĩa trong đời sống xã hội.

b. Thân bài : Trình bày nội dung chủ yếu của bài.

c. Kết bài : Nêu kết luận nhằm khẳng định tư tưởng, thái độ, quan điểm của bài.

**II./ Ghi nhớ : học sgk/ trang 31**

**BÀI: SỰ GIÀU ĐẸP CỦA TIẾNG VIỆT(HDHT)**

**I./ Đọc- hiểu chú thích**

 **1. Tác giả**: Đặng Thai Mai (1902– 1984).

 **2. Tác phẩm**:.

 ( SGK /36 )

**II. Đọc –hiểu văn bản**

**1. Nhận định về phẩm chất của tiếng Việt**:

 - Tiếng Việt hay

 - Tiếng Việt đẹp

**2. Biểu hiện giàu đẹp của tiếng Việt:**

a. Tiếng Việt đẹp:

\* Ý kiến của người nước ngoài

- Giàu chất nhạc

- Tiếng Việt đẹp, rành mạch

- Rất uyển chuyển trong câu, nhịp, cú pháp.

=> Nhận xét khách quan

\* Ý kiến tác giả:

- Tiếng Việt giàu hình tượng, giàu thanh điệu, hệ thống nguyên âm, phụ âm phong phú.

-Từ vựng dồi dào, có giá trị nhạc, họa,

=> Dẫn chứng khách quan, giàu sức thuyết phục, lý lẽ sâu sắc.

b. Tiếng Việt hay:

- Thoả mãn nhu cầu trao đổi tình cảm.

- Thoả mãn yêu cầu của đời sống văn hoá.

- Dồi dào về cấu tạo từ ngữ, cách diễn đạt, từ vựng.

- Ngữ pháp uyển chuyển, chính xác.

=> Cái hay và cái đẹp luôn gắn bó với nhau.

=> Sức sống của tiếng Việt chính là biểu hiện hùng hồn của sức sống Việt Nam.

**III./ Ghi nhớ *SGK trang 37)***

**BÀI: THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU**

**I.Tìm hiểu bài**

**1. Đặc điểm của trạng ngữ**

Vd1 :

1- Ý nghĩa

- Dưới bóng tre xanh

🡪 bổ sung về nơi chốn

- . . . đã từ lâu đời

🡪 bổ sung về thời gian

- . . . từ nghìn đời nay

🡪 bổ sung về thời gian

- . . .đời đời , kiếp kiếp

🡪 bổ sung về thời gian

**2. Hình thức**

**-** Trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu.

- Khi nói : nghỉ hơi

- Khi viết : đặt dấu phẩy

II/ **Ghi nhớ** sgk/39

III/ **Luyện tập**: HS làm BT/sgk

***BÀI: THÊM TRẠNG NGỮ CHO CÂU ( tt )***

**I. Tìm hiểu bài**

**1. Công dụng của TN:**

Vd sgk/45

a.- Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm..

 - Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ..

 -Trên giàn thiên lí, vài con ong siêng năng…

 - Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên bầu trời trong có những làn sóng hồng hồng..

b. Về mùa đông…

→ trạng ngữ bổ sung về thời gian, nơi chốn, xác định hoàn cảnh, sự việc diễn ra trong câu,…

**2. Tách TN thành câu riêng**

VD: SGK/46

“ Và để tin tưởng hơn nữa vào tương lai của nó”.

→ nhấn mạnh, thể hiện niềm tin tiếng nói của mình.

**II**/ **Ghi nhớ**: học trong sgk/47

Hs làm bài tập trong sgk/47,48

* LƯU Ý: PHẦN TẬP LÀM VĂN: HS xem phần văn nghị luận phần này vào học gv sẽ giảng cụ thể).

DO THỜI GIAN NGHỈ KHÁ DÀI NÊN DUNG LƯỢNG CHÉP BÀI CŨNG NHIỀU. HY VỌNG TẤT CẢ CÁC EM CÙNG CỐ GẮNG!

MỌI THẮC MẮC HS VÀ QUÝ PHỤ HUYNH LIÊN HỆ TRỰC TIẾP VỚI GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY BỘ MÔN VĂN CỦA CÁC EM TRÊN LỚP NHÉ!

CHÚC CÁC EM VÀ GIA ĐÌNH AN TOÀN TRONG MÙA DỊCH VÀ KHÔNG QUÊN NHIỆM VỤ ÔN TẬP THẬT TỐT!